TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : 106/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 09/10/2020
"V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Tất Ngọc Trân**

- Các Hội thẩm nhân dân**: 1/ Bà Lê Thị Mỹ**

2/ Ông Cao Trọng Mãnh

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Việt Bắc** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2020. Tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 05/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc **"**Tranh chấp ly hôn tranh chấp nuôi con sau khi ly hôn**"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 09 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Số 18/2 Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông D**,** sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 126/11A Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn và lời trình bày của nguyên đơn bà H trình bày:** Bà H và ông D tự nguyện quen nhau có tổ chức lễ cưới vào năm 1999 và đã được UBND phường Vĩnh Thanh Vân cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/10/2003. Trong quá trình chung sống ông bà thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ tình cảm gia đình, ông D thường xuyên xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của bà. Mặc dù bà H đã nhiều lần tạo cơ hội cho ông D sửa đổi nhưng vẫn không được. Ông bà cũng đã sống ly thân hơn 01 năm nay.

Về con chung: Bà H xác định vợ chồng chung sống có 04 người con chung là Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1999, Huỳnh Ngọc N, sinh năm 2002, đã trưởng thành không yêu cầu xem xét giải quyết. Huỳnh Kim N1, sinh ngày 25/5/2009 và Huỳnh Kim Thành, sinh ngày 31/5/2017 bà H yêu cầu giao 02 người con Nh và T cho ông D nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H xác định vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H cam kết vợ chồng không có nợ chung.

* Bị đơn ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có lời khai tại Tòa.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, bị đơn ông D cư trú tại phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân thành phố Rạch Giá thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa, bà H đồng ý xét xử vắng mặt ông D theo quy định pháp luật; do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông D tự tìm hiểu nhau có tổ chức lễ cưới năm 1999 trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/10/2003 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn: Trong quá trình chung sống ông D và bà H thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, chủ yếu là về tình cảm gia đình, mặc dù ông bà cũng đã sống ly thân hơn 01 năm cho đến nay, ông bà tuy đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa ông D và bà H đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, ông bà không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, xử cho bà H được ly hôn với ông D

[5] Xét về con chung Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H và ông D chung sống có 04 người con chung là cháu Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1999, Huỳnh Ngọc N, sinh năm 2002, Huỳnh Kim N1, sinh ngày 25/5/2009 và Huỳnh Kim Thành, sinh ngày 31/5/2017. Tại phiên tòa bà H yêu cầu đối với 02 cháu T và N đã trưởng thành không yêu cầu xem xét giải quyết, thống nhất giao cháu Huỳnh Kim N1, sinh ngày 25/5/2009 và Huỳnh Kim T, sinh ngày 31/5/2017 cho ông D nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu N và cháu T, bà H không cấp dưỡng nuôi con. Bà H có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục con chung không ai cản trở bà H thực hiện quyền này. Do ông D vắng mặt tại phiên Tòa nên quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, thì ông D có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Về tài sản chung: Bà H xác định tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về nợ chung: Bà H xác định trong quá trình chung sống ông bà không có vay mượn tổ chức, cá nhân nào nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà H pH chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông D.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Kim Nhật, sinh ngày 25/5/2009 và Huỳnh Kim Thành, sinh ngày 31/5/2017 cho ông D nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhật và cháu Thành. Bà H có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục con chung không ai cản trở bà H thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung: Bà H xác định tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Bà H xác định trong quá trình chung sống ông bà không có vay mượn tổ chức, cá nhân nào nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung.

- **Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm***:* Bà H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí số 0001594 ngày 25/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/10/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

** Nơi nhận :*
- *TAND Tỉnh Kiên Giang*
- *VKSND TP. Rạch Giá.*
- *Chi cục THA Dân sự TPRG*
- *Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ.*

Huỳnh Tất Ngọc Trân